

Số: 79 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 15 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng**  
**của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;*

*Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 15/12/2021 của Hội đồng,*


**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục 2).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh công nhận và cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo quy định hiện hành. 

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**  
**CHỦ TỊCH**



**Trần Đình Quang**





## PHỤ LỤC 1

### Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

(Kèm theo Nghị quyết số 9/NQ-HĐKĐCLV ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>					Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.5	3			
Tiêu chí 2.2	3				<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,40	5	100
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					Tiêu chí 8.2	5			
Tiêu chí 3.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 4.1	3	3,67	2	66,67	Tiêu chí 9.1	5	4,20	5	100
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4,00	5	83,33
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>					Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 6.1	4	3,86	6	85,71	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 6.4	3				Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	4						
<b>Mức trung bình</b>				<b>Số tiêu chí đạt</b>		<b>Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)</b>			
<b>3,96</b>				<b>44</b>		<b>88</b>			





## PHỤ LỤC 2

**Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**  
(Kèm theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐKĐCLV ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, giai đoạn 2016-2021, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học; đề cương các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định, cơ bản thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được; chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, thể hiện tính logic, tính tích hợp giữa các học phần; các hoạt động dạy và học, các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, hướng đến việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng và đánh giá năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên và nhân viên được quản lý, thực hiện đúng quy định; chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được giám sát chặt chẽ; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản trong quá trình học tập; hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp, hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của CTĐT có việc làm cao; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được xây dựng và triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Cần rà soát Mục tiêu giáo dục bảo đảm phù hợp với Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học, chú ý bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực phổ biến kiến thức của người học; cần rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chú ý tiếp cận theo hướng đánh giá năng lực; cần tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT;





(ii) Cần rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần bảo đảm đầy đủ thông tin và trình tự ban hành đúng quy định, thể hiện rõ sự liên kết của các học phần trong thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt và sử dụng;

(iii) Cần rà soát ma trận, thể hiện rõ mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT, xác định rõ ràng hơn mức độ đóng góp của các học phần bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra; cần xác định lại chính xác hơn các chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận năng lực phù hợp trong từng học phần; cần tăng tỷ lệ kiến thức tự chọn để tăng khả năng lựa chọn của sinh viên trong phát triển kiến thức và kỹ năng, đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp tương lai; cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan để thu thập và sử dụng thông tin phản hồi hiệu quả hơn trong phát triển CTĐT;

(iv) Cần có văn bản chính thức công bố về Triết lý giáo dục của Học viện và hướng dẫn chuyển tải phù hợp vào các hoạt động cụ thể; các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần chú trọng việc dạy cách học, tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo của người học, hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời; cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp dạy-học, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy-học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, giải quyết vấn đề, chú ý tăng cường các hoạt động rèn nghề và kỹ năng mềm cho người học; cần nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và thực hiện các hoạt động đào tạo;

(v) Cần thực hiện đa dạng hình thức kiểm tra, đánh giá, chú ý các hình thức kiểm tra, đánh giá trực tuyến, với các tiêu chí, thang đo phù hợp; cần chú trọng phân tích kết quả thi để đánh giá độ tin cậy và tính giá trị làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đề thi; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để làm căn cứ cải tiến nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra, đánh giá; cần tăng cường hơn nữa ứng dụng công nghệ trong quản lý, tổ chức, giám sát hoạt động kiểm tra, đánh giá;

(vi) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về công tác tổ chức và cán bộ; cần tăng cường chính sách thu hút các giảng viên có trình độ cao, đúng ngành Quan hệ công chúng (GS, PGS, tiến sĩ, giảng viên được đào tạo ở các nước tiên tiến) về công tác lâu dài tại Khoa; cần rà soát, điều chỉnh các tiêu chí đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ giảng viên với thang đo phù hợp hơn; cần tăng cường các chính sách khuyến khích cho giảng viên gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần định kỳ phân



tích, đánh giá đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để liên tục nâng cao năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên; cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh của Khoa và sớm đi vào hoạt động để đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ;

(vii) Nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm; cần phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng chiến lược, chính sách phát triển bền vững đội ngũ nhân viên; nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của họ; cần tăng cường việc giám sát, đánh giá hiệu quả công tác hỗ trợ, chú ý đến sự hài lòng của các bên liên quan;

(viii) Cần chú trọng phân tích, đánh giá xu hướng chất lượng tuyển sinh hằng năm nhằm đánh giá hiệu quả về từng phương thức tuyển sinh để điều chỉnh phù hợp; cần phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác giám sát và hỗ trợ để kịp thời điều chỉnh, nâng cao công tác hỗ trợ người học; cần tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, tư vấn hỗ trợ việc làm,... để giúp người học nắm bắt được yêu cầu thực tiễn, sớm định hướng và tiếp cận với nghề nghiệp tương lai; cần sử dụng hiệu quả phản hồi của các bên liên quan để cập nhật, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học;

(ix) Cần hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về công tác quản lý cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng; cần chú trọng bổ sung, cập nhật những tài liệu học tập mới cho các học phần trong CTĐT, chú ý những tài liệu mang tính định hướng nghiên cứu của ngành Quan hệ công chúng trong cách mạng công nghiệp 4.0; cần sớm triển khai Thư viện điện tử/thư viện số, tăng cường số hóa nguồn học liệu, nghiên cứu phát triển phần mềm quản lý dạy và học trực tuyến, phòng sản xuất học liệu phục vụ E-learning, đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tuyến; cần xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải tiến chất lượng môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý xã hội;

(x) Cần hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; cần tăng cường công tác đối sánh trong phát triển CTĐT; cần tăng cường hợp tác khoa học với trường đại học trong và ngoài nước, tạo điều kiện gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu trong đội ngũ cán bộ giảng viên của Trường; cần chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các bên liên quan và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng;



(xi) Cần nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về người học và đối sánh các CTĐT của Học viện với nhau và với các cơ sở giáo dục đại học khác: cần có chính sách khuyến khích gia tăng nghiên cứu khoa học của sinh viên; cần quan tâm hơn nữa đến việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp, để có căn cứ đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 6/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

-----